

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-ST
Ngày: 13/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TP1, xã TLH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1/ Ông Lê Văn Q, sinh năm 1967 (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp TH, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2022, tại khai ý kiến ngày 21/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Huỳnh Văn U trình bày:

Nguyên vào ngày 06/6/2021 ông Huỳnh Văn U có cho bà Nguyễn Thị Thanh N vay không lãi suất số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), theo thỏa thuận bà N hứa mỗi tháng sẽ trả cho ông U số tiền là 2.000.000 đồng cho đến khi đủ số tiền 50.000.000 đồng và trả trong vòng 25 tháng, mục đích bà N vay tiền để sử dụng tiêu dùng trong gia đình, ông Q cũng biết việc bà N vay

tiền của ông U để sử dụng trong gia đình, bà N trực tiếp viết tên và ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 06/6/2021.

Sau khi vay, bà N và ông Q đã trả cho ông U được 07 lần (trả từ tháng 7/2021 đến tháng 01/2022), mỗi lần là 2.000.000 đồng với tổng số tiền là 14.000.000 đồng.

Kể từ tháng 02/2022 đến nay bà N, ông Q ngưng không tiếp tục trả cho ông U số tiền còn lại là 36.000.000 đồng, mặc dù ông U đã nhiều lần gặp trực tiếp bà N, ông Q để đòi lại số tiền 36.000.000 đồng nhưng bà N, ông Q cứ khất hẹn hết lần này đến lần khác.

Vì vậy, nay ông Huỳnh Văn U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn U số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/6/2022, bị đơn ông Lê Văn Q trình bày: Ông Q có nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và giấy mời của Tòa án, ông không đồng ý trả cho nguyên đơn Huỳnh Văn U số tiền 36.000.000 đồng, vì thực tế ông Q không có vay và không biết số tiền trên, theo biên nhận ngày 06/6/2021 đúng là chữ ký của bà N, ông và bà N là vợ chồng và hiện tại ông và bà N vẫn đang sống chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn Nguyễn Thị Thanh N và ông Lê Văn Q biết việc thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng bị đơn không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại tất cả các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại các phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc bị đơn ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn U số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

+ Về án phí: Buộc bị đơn Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh N phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, nguyên đơn ông Huỳnh Văn U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn U số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Xét thấy, nội dung biên nhận ngày 06/6/2021 thể hiện bà Nguyễn Thị Thanh N có mượn của ông Huỳnh Văn U số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và đã được bà Nguyễn Thị Thanh N ký tên xác nhận. Nguyên đơn ông Huỳnh Văn U cho rằng việc bà N vay tiền của ông U nhằm mục đích để sử dụng tiêu dùng trong gia đình, ông Q cũng biết việc bà N vay tiền của ông U, sau khi vay thì ông Q và bà N đã trả cho ông U số tiền là 14.000.000 đồng, còn nợ lại là 36.000.000 đồng, lời trình bày của ông U là có căn cứ. Bởi lẽ, tại biên bản ghi lời khai ngày 15/6/2022 ông Q thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 06/6/2021 là của bà N, mặc dù ông Q không thừa nhận ông Q không biết số tiền bà N đã vay, tuy nhiên ông Q và bà N là vợ chồng, hiện vẫn còn sống chung, bà N vay tiền của ông U nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông Q phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà N. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông Q và bà N đến Tòa án để tham dự phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham dự phiên tòa nhưng ông Q và bà N đều vắng mặt không có lý do, bà N cũng không có văn bản ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của ông U, thể hiện ông Q và bà N đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn U yêu cầu bị đơn ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn U số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[3] Xét, Q điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh N phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn U.

Buộc bị đơn ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn U số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bị đơn Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh N phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn U được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007064, ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hùng

